

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2021/HS-ST
Ngày 30/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;
2. Ông Trịnh Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2021/HSST ngày 05/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HS ngày 20/5/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh ngày 14/5/1998; nơi cư trú: Thôn XX, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn K, bà Lê Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

01. Bà Phan Thị Lệ T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

02. Bà Trần Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

03. Bà Lâm Thị C, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

04. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

05. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

06. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

07. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

08. Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

09. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

10. Bà Trần Thị L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

11. Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

12. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trong thời gian từ tháng 3-2020 đến ngày 10-9-2020, bị cáo Nguyễn Văn D từ tỉnh Thanh Hoá vào thành phố Q để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Nguyễn Văn D đã lôi kéo nhiều người dân trên địa bàn thành phố Q và huyện B vay tiền, sau đó nhờ những người vay tiền của mình giới thiệu những người dân có nhu cầu vay tiền để D trực tiếp gặp và trao đổi về các điều khoản khi tiến hành vay nợ. Khi cho vay, D yêu cầu người vay cung cấp chứng minh nhân dân gốc, sổ hộ khẩu, lãi suất thỏa thuận bằng miệng, từ 0,77%/ngày đến 01%/ngày (tương đương với 281%/năm đến 365%/năm).

Với thủ đoạn như trên, trong thời gian từ tháng 3-2020 đến ngày 10-9-2020 bị cáo Nguyễn Văn D đã cho 12 người dân trên địa bàn thành phố Q và huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vay tiền, tổng cộng 40 lượt vay với tổng số tiền bị cáo D cho vay là 409.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã thu của người vay là 492.850.000 đồng, trong đó tiền gốc đã thu là 393.680.000 đồng, tiền lãi đã thu của người vay là 99.170.000 đồng. Qua tranh tụng tại phiên tòa, xác định lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 6.403.286 đồng, lãi suất vượt quá mức quy định (vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) là 92.766.712 đồng, tiền phụ thu là 17.450.000 đồng. Như vậy, tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Văn D thu được từ người vay là 92.766.712 đồng.

Cụ thể 40 lượt vay như sau:

1. Bà Phan Thị Lệ T vay 01 lần với tổng số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 12.400.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.400.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 169.863 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.230.137 đồng.

2. Bà Trần Thị T vay 04 lần với tổng số tiền vay là 32.000.000 đồng với lãi suất 01%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 38.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 7.600.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 416.438 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định 7.183.562 đồng.

3. Bà Lâm Thị C vay 02 lần với tổng tiền vay là 12.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày đến 0,95%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 12.200.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.533.333 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 161.644 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định 2.371.689 đồng.

4. Bà Nguyễn Thị N vay 05 lần với tổng số tiền vay là 75.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 93.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 18.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 1.273.975 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 16.726.025 đồng.

5. Bà Nguyễn Thị Thu H vay 07 lần với tổng số tiền vay là 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 179.800.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 34.800.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 2.463.014 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 32.336.986 đồng.

6. Bà Nguyễn Thị H vay 03 lần với tổng số tiền vay là 21.000.000 đồng với lãi suất 0,95%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 27.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 345.204 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.654.796 đồng.

7. Bà Nguyễn Thị N vay 09 lần với tổng số tiền vay là 63.000.000 đồng với lãi suất 0,95%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 78.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 17.466.667 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 1.004.927 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 16.461.740 đồng.

8. Bà Trần Thị Ngọc D vay 02 lần với tổng số tiền vay là 12.000.000 đồng với lãi suất 01%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 15.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 164.384 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.835.616 đồng.

9. Bà Phạm Thị H vay 03 lần với tổng số tiền vay là 12.000.000 đồng với lãi suất 01%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 13.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.720.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 149.042 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.570.958 đồng.

10. Bà Trần Thị L vay 01 lần với tổng số tiền vay là 4.000.000 đồng với lãi suất 01%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 5.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 54.795

đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 954.205 đồng.

11. Bà Nguyễn Thị Thanh P vay 02 lần với tổng số tiền vay là 18.000.000 đồng với lãi suất 01%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.400.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 131.507 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.268.493 đồng.

12. Bà Phạm Thị N vay 01 lần với tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng với lãi suất 01%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 6.250.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.250.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 68.493 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.181.507 đồng.

** Vật chứng thu giữ gồm:*

- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Thị Lệ T số: 212XXXYYY, HKTT: Thôn M, xã T, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thanh P số: 212KKKZZZ, HKTT: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị NA số 212AAABBB, HKTT: Xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D, 01 thẻ ASN Sacombank mang tên Nguyễn Văn D, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 200496 mang tên Nguyễn Văn D;

- 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng hiệu Iphone, màu trắng đen (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Loại SH màu bạc đen, biển kiểm soát: 36B6 - 103.25, số khung: 7308GY045030; số máy: JF73E0045076 (đã qua sử dụng)

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đồng: 5.800.000đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng).

** Bản cáo trạng số 22/CT-VKS, ngày 02/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D phạt tiền từ 90 triệu đồng đến 100 triệu đồng.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone loại cảm ứng, màu trắng đen; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SH 125I, màu đen xám, biển số: 36B6- 10325, số máy:

JF73E0045076; số khung: 7308GY045030; tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 5.800.000 đồng đã được nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định để đảm bảo việc thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp khác: Áp dụng các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tuyên truy thu của bị cáo số tiền cho vay mới thu hồi được 393.680.000 đồng, buộc những người vay chưa trả đủ số tiền gốc thì phải nộp lại với tổng số tiền là 15.320.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà Nước theo quy định; buộc bị cáo trả lại cho người vay số tiền lãi vượt mức quy định với số tiền 92.766.712 đồng; tuyên truy thu của bị cáo số tiền lãi pháp luật cho phép là 6.403.286 đồng và tiền phụ thu 17.450.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay 40 lượt vay với mức lãi suất là 281%/năm đến 365%/năm, vượt quá mức lãi suất của Bộ luật Dân sự quy định từ 14 đến 18 lần để thu lợi bất chính với tổng số tiền 92.766.712 đồng nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tín dụng, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo với hình phạt tiền để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Thị Lệ T, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã trả lại cho bà T là đúng quy định pháp luật.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thanh P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã trả lại cho bà P là đúng quy định pháp luật.

- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị NA số 212AAABBB, HKTT: Xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi chưa làm việc được với bà A nên tiếp tục tạm giữ để trả lại cho bà A.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D, 01 thẻ ASN Sacombank mang tên Nguyễn Văn D, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 200496 mang tên Nguyễn Văn D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã trả lại cho Nguyễn Văn D là đúng quy định pháp luật;

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu Iphone, màu trắng đen (đã qua sử dụng) là công cụ dùng để phạm tội, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Loại SH màu bạc đen, biển kiểm soát: 36B6 – 103.25, số khung: 7308GY045030; số máy: JF73E0045076 (đã qua sử dụng) là phương tiện dùng để phạm tội, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đồng: 5.800.000đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng) tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[6] Về các biện pháp tư pháp:

[6.1] Đối với số tiền gốc mà D đã cho vay là 409.000.000 đồng, nhưng tổng số tiền gốc D mới thu lại được là 393.680.000 đồng. Đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc bị cáo D nộp sung ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền 9.188.491 đồng mà bị cáo D đã thu lãi vượt quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự: Đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo nộp sung ngân sách Nhà nước.

[6.3] Đối với số tiền 6.403.286 đồng tiền lãi bị cáo đã thu đúng quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự và 17.450.000 đồng tiền phụ thu: Đây là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo nộp sung ngân sách Nhà nước.

Tổng cộng bị cáo D phải nộp 426.721.777 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

[6.4] Đối với số tiền gốc mà người vay chưa trả đủ cho bị cáo D: Đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc những người vay phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 6.131.507 đồng, cụ thể: Bà Nguyễn Thị Thanh P phải nộp số tiền là 6.131.507 đồng;

[7] Về phần dân sự: Buộc bị cáo D có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền lãi suất vượt quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự với tổng số tiền là 83.578.221 đồng, cụ thể:

1. Trả cho bà Phan Thị Lệ T số tiền là 2.230.137 đồng;
2. Trả cho bà Trần Thị T số tiền là 5.583.562 đồng;
3. Trả cho bà Lâm Thị C số tiền là 38.356 đồng;
4. Trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 16.726.025 đồng
5. Trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 32.336.986 đồng;
6. Trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền là 5.654.796 đồng;
7. Trả cho Bà Nguyễn Thị N số tiền là 14.595.073 đồng;
8. Trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền là 2.835.616 đồng;
9. Trả cho bà Phạm Thị H số tiền là 1.450.958 đồng;
10. Trả cho bà Trần Thị L số tiền là 945.205 đồng;
11. Trả cho bà Phạm Thị N số tiền là 1.181.507 đồng;

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.178.911 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, 47, 48, 50 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước. Số tiền trên được nộp thành 5 (năm) lần trong thời hạn 5 (năm) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[3] Về các biện pháp tư pháp:

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 426.721.777 đồng (bốn trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng);

3.2. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh P có nghĩa vụ nộp số tiền 6.131.507 đồng (sáu triệu, một trăm ba mươi một nghìn, năm trăm lẻ bảy đồng) sung ngân sách Nhà nước.

[4] Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho những người có tên sau số tiền là 83.578.221 đồng (tám mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, hai trăm hai mươi một đồng), cụ thể:

1. Hoàn trả cho bà Phan Thị Lệ T số tiền là 2.230.137 đồng (hai triệu, hai trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng);

2. Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền là 5.583.562 đồng (năm triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng);

3. Hoàn trả cho bà Lâm Thị C số tiền là 38.356 đồng (ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng);

4. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 16.726.025 đồng (mười sáu triệu, bảy trăm hai sáu nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng);

5. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 32.336.986 đồng (ba mươi hai triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng);

6. Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền là 5.654.796 đồng (năm triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi sáu đồng);

7. Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị N số tiền là 14.595.073 đồng (mười bốn triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi ba đồng);

8. Hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền là 2.835.616 đồng (hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng);

9. Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền là 1.450.958 đồng (một triệu, bốn trăm mười nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng);

10. Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền là 945.205 đồng (chín trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ năm đồng);

11. Hoàn trả cho bà Phạm Thị N số tiền là 1.181.507 đồng (một triệu, một trăm tám mươi một nghìn, năm trăm lẻ bảy đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu Iphone, màu trắng đen (đã qua sử dụng); 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SH, màu bạc đen, biển kiểm soát: 36B6 - 103.25, số khung: 7308GY045030; số máy: JF73E0045076 (đã qua sử dụng).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/6/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

[5.2] Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.800.000 đồng (năm triệu, tám trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn D (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 07/6/2021 của Công an thành phố Quảng Ngãi nộp tại Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi) để bảo đảm thi hành án.

[6] Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.178.911 đồng (bốn triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm mười một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CQCSĐT Công an TP Quảng Ngãi;
- Bộ phận HSNV Công an
thành phố Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

